TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vạn và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Phi Hùng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH H, chi nhánh tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: đường 23/3, TDP 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn D; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Võ Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lăk (cũ). Những năm gần đây bà và ông D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mặc dù chung sống cùng nhà nhưng không hạnh phúc, không có sự chia sẻ, người nào chỉ biết bổn phận người đó, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Các con chung cũng đã khuyên nhủ, động viên và hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến mức không thể chịu đựng thêm được nữa nên bà phải sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D.

Bà và ông D có 03 con chung, hiện các con đã trên 18 tuổi; về tài sản và nợ chung bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn D trình bày:

Ông và bà L kết hôn năm 1981 và có chung 03 người con, hiện các con đã trên 18 tuổi. Trong khoảng 10 năm trở lại đây ông và bà L không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau, việc ai người đó làm. Mặc dù đã được con cái động viên thay đổi cách sống, hàn gắn mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn lạnh nhạt, không có tiếng nói chung. Tuy nhiên ông vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, trường hợp bà L cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông chấp nhận và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Về con chung, tài chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn D, hiện ông D cư trú tại tổ dân phố 9, phường N, thành phố G, do đó có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án thông báo phiên hòa giải hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Ngoài ra, các đương sự đồng thời có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Nguyễn D chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lăk (cũ), giấy đăng ký kết hôn vào sổ số 01 ngày 05/01/1981. Như vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông D là hợp pháp.

Bà L trình bày cuộc sống không hạnh phúc, thời gian gần đây ông D còn chửi bới, xúc phạm bà làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng đến mức bà không thể tiếp tục chung sống cùng ông D, bà phải dọn đi chỗ khác và sống ly thân với ông D. Ông D thừa nhận trong khoảng 10 năm trở lại đây ông và bà L không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau, việc ai người đó làm, mặc dù đã được con cái động viên, hàn gắn nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi, vẫn lạnh nhạt và không có tiếng nói chung.

Như vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông D thực sự rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông D có 03 người con chung, hiện các con đều trên 18 tuổi và bà L, ông D đều không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Bà L và ông D không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị L là người cao tuổi, thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị L. Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị L với ông Nguyễn D.

2. Về án phí: Bà Võ Thị L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP G;
- UBND phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm